

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thân Thế Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tích	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Hòa	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2010)
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2010)

Ban Giám đốc

Ông Thân Thế Hà	Tổng Giám đốc
Ông Phan Phương Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Thân Thế Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2010

Số: 53 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex

Chúng tôi đã tiến hành soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán ngày 18 tháng 01 năm 2010 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý tại Thuyết minh số 19 phần thuyết minh báo cáo tài chính. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu chưa được soát xét hoặc kiểm toán của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 do đây là năm đầu tiên báo cáo tài chính bán niên được soát xét.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 8 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Văn Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1130/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		129.059.019.778	130.915.729.889
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	114.768.950.294	120.067.739.175
1. Tiền	111		46.224.950.294	32.126.739.175
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.544.000.000	87.941.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.011.555.071	3.971.567.610
1. Phải thu khách hàng	131		384.593.265	669.502.048
2. Trả trước cho người bán	132		30.000.000	52.489.800
3. Các khoản phải thu khác	135		5.596.961.806	3.249.575.762
III. Hàng tồn kho	140	5	419.551.253	67.495.751
1. Hàng tồn kho	141		419.551.253	67.495.751
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.858.963.160	6.808.927.353
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.903.687.890	4.551.265.003
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.955.275.270	2.257.662.350
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		78.047.327.179	80.532.291.744
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.760.863.550	5.291.263.550
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.760.863.550	5.291.263.550
II. Tài sản cố định	220		20.476.213.777	18.422.812.740
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	9.976.853.115	8.414.486.909
- Nguyên giá	222		13.613.531.845	11.656.982.131
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.636.678.730)	(3.242.495.222)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	10.499.360.662	10.008.325.831
III. Bất động sản đầu tư	240	8	27.408.938.580	27.716.904.182
- Nguyên giá	241		28.486.818.182	28.486.818.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.077.879.602)	(769.914.000)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		24.910.765.000	28.610.765.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	9	14.910.765.000	14.910.765.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	10	10.000.000.000	13.700.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		490.546.272	490.546.272
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		25.000.000	25.000.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		465.546.272	465.546.272
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		207.106.346.957	211.448.021.633

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		151.217.679.859	162.422.873.264
I. Nợ ngắn hạn	310		54.776.456.529	62.060.305.427
1. Phải trả người bán	312		87.387.943	154.137.470
2. Người mua trả tiền trước	313		2.499.203.000	3.100.748.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.338.974.068	4.319.405.959
4. Phải trả người lao động	315		347.240.737	-
5. Chi phí phải trả	316		178.022.400	406.400.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	47.388.816.381	53.710.901.998
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.936.812.000	368.712.000
II. Nợ dài hạn	330		96.441.223.330	100.362.567.837
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	33.599.654.195	33.810.008.195
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		84.352.762	62.678.392
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	14	62.757.216.373	66.489.881.250
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		55.888.667.098	49.025.148.369
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	55.888.667.098	49.025.148.369
1. Vốn điều lệ	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		662.175.749	(560.080.134)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.880.000.000	1.920.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.470.000.000	480.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.876.491.349	17.185.228.503
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		207.106.346.957	211.448.021.633



Thân Thế Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 1/1/2010 đến ngày 30/6/2010	Từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		19.726.585.874	18.998.235.050
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	19.726.585.874	18.998.235.050
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	5.253.024.364	9.691.277.207
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		14.473.561.510	9.306.957.843
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	2.438.819.742	3.518.095.283
7. Chi phí tài chính	22		-	4.962.348
8. Chi phí bán hàng	24		-	8.801.518
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.392.202.090	3.220.402.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11.520.179.162	9.590.887.155
11. Thu nhập khác	31		88.232.545	2.168
12. Chi phí khác	32		30.804.111	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		57.428.434	2.168
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.577.607.596	9.590.889.323
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.180.344.750	-
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		9.397.262.846	9.590.889.323

Thân Thế Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2010


 Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

Từ ngày 1/1/2010 Từ ngày 1/1/2009
Mã số đến ngày 30/6/2010 đến ngày 30/6/2009

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Lợi nhuận trước thuế	01	11.577.607.596	9.590.889.323
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	822.149.110	1.095.171.571
Các khoản dự phòng	03	-	16.917.755
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(2.444.938.357)	(3.513.132.935)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.954.818.349	7.189.845.714
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.140.376.732	(483.206.090)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(352.055.502)	(20.754.980)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.620.397.069)	9.507.304.430
Giảm chi phí trả trước	12	-	40.179.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.250.204.959)	(3.000.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	13.684.295.675
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(575.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.702.462.449)	26.917.663.749

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.871.033.819)	(53.067.000)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	65.454.545	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.186.996.959	2.983.055.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.381.417.685	2.929.988.283

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	3.038.510.000
2. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.200.000.000)	(1.701.283.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.200.000.000)	1.337.227.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.521.044.764)	31.184.879.032
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	120.067.739.175	21.345.699.911
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	1.222.255.883	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	114.768.950.294	52.530.578.943



Thân Thế Hà
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính